TRUYỆN NGẮN *CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ* TỪ GÓC NHÌN CỦA LÍ THUYẾT THẾ GIỚI NGÔN TỪ

HỒ VĂN HẢI[1]
TRẦN THỊ NHẬT[2]

Abstract: *The article* "*Handwriting of death row prisoner*", employs the perspective of *Text world theory* in applying the theory of textual research by Paul Werth and Gavins to study the production, function and operation of language in the story. This theory is a progressive evolution from Discourse Analysis. "Text World Theory" considers work as a world expressed in language, where words are signs of the "interpretation" of the world created by all objects participating in the text. Using this perspective to study stories can help recipients and literary analysts see the values expressed in the depth of language and the creative basis of the writer's semantic world in the process of composing. In order to examine the effectiveness of *Text world theory* for the analysis of the work, we have chosen the short story "The handwriting of a prisoner on death row" by Nguyen Tuan as the test object and initially obtained positive results.

Keywords: *text world, story, modality*,…

1. Mở đầu

Ra đời từ những nguyên lí cơ bản của Khoa học tri nhận nói chung, Ngôn ngữ học tri nhận nói riêng, Lí thuyết Thế giới ngôn từ (LTTGNT) của Paul Werth với sự bổ cứu của Gavins đã mở ra một hướng đi mới cho Phong cách học tri nhận. Đầu tiên, lí thuyết này được Paul Werth đề cập trong hai bài báo mang tên *How to build a world* [3] và *World enough and time* [4] nhưng sự đột phá của lí thuyết này phải kể đến tác phẩm *Text worlds: Representing conceptual space in discourse* [5]. Chuyên luận này của Werth là sự diễn giải chi tiết nhất và làm tiền đề cho sự phát triển tiếp theo của LTTGNT. Paul Werth đã thử nghiệm lí thuyết của mình qua phân tích đoạn trích từ tác phẩm *A passage to India* (1924) của tác giả E. M. Forster's. Ông cho rằng tác giả và độc giả trong một tác phẩm văn học cụ thể chính là các tham tố có vai trò chủ đạo tạo nên những diễn ngôn cho tác phẩm. Các diễn ngôn này ràng buộc các tham tố với các nhân vật và các vật thể xung quanh nhân vật tại một mốc thời gian và trong một không gian xác định. Sự ràng buộc này có tác dụng lôi kéo độc giả cùng với tác giả tạo nên một Thế giới ngôn từ (TGNT), hay nói cách khác, tạo nên một

[1], [2] TS., Trường Đại học Sài Gòn.

không gian tinh thần (mental spaces) chứa đựng các sự tình sẽ xảy ra. Cái thế giới ẩn sâu đằng sau những con chữ không phải chỉ có trong tác phẩm trữ tình mà còn hiện diện ngay trong tác phẩm tự sự, thế giới mà lâu nay chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và có hệ thống. TGNT được xem là hình thức biểu hiện của quá trình nhận thức xảy ra bên trong bộ não con người. Quá trình này được kích hoạt là nhờ: 1) các yếu tố xây dựng thế giới (world-building elements) và 2) các nhân tố thúc đẩy chức năng (function-advancing components). Mỗi TGNT được mở ra trên ba cấp độ: 1) dựa trên cấu trúc tình thái; 2) dựa trên hoạt động tinh thần; 3) dựa trên sự hỗn loạn của các mốc thời gian trong tác phẩm. Tiếp theo Paul Werth, Gavins là người tiếp tục hoàn thiện thêm LTTGNT bằng chuyên luận *Text world theory: An introduction* [5]. Công trình này giúp cho LTTGNT trở thành một trong những công cụ tốt nhất để nghiên cứu các *không gian tinh thần* (conceptual space) diễn ra khi tất cả các nhân tố (nhân vật, sự vật hiện tượng, tác giả và độc giả…) cùng tham gia vào một sự tình. Truyện cũng có một nhân vật trữ tình, nó "hiện ra thấp thoáng" trong TGNT và hóa thân vào thế giới của những nhân vật do chính tác giả tạo ra. Từ đây, một trào lưu ứng dụng LTTGNT vào phân tích tác phẩm tự sự đã được hình thành.

2. Những nội dung cơ bản của Lí thuyết Thế giới ngôn từ

Lí thuyết này chỉ ra cách tiếp cận mang tính phương pháp luận có thể lí giải các quá trình tri nhận đằng sau tất cả các hình thức giao tiếp của con người. Trong đó, Paul Werth tập trung làm rõ các không gian nhận thức liên kết với các cấp độ tự sự, từ đó hình thành nên các "thế giới" khác nhau của diễn ngôn. Cấp độ đầu tiên (1) có tính bao quát nhất được gọi là thế giới diễn ngôn (không gian ý niệm - conceptual space). Trong thế giới đó chứa đựng những sự kiện ngôn ngữ diễn ra tự nhiên và diễn đạt bối cảnh trực tiếp mà diễn ngôn đang có. Cấp độ thứ hai (2) được gọi là thế giới ngôn từ. TGNT chứa đựng những sự diễn giải bên trong thế giới tinh thần của những người tham gia vào diễn ngôn đó [5, tr.46]. Dưới góc nhìn của LTTGNT, thế giới mà người tham gia diễn ngôn "diễn giải" được phân thành hai loại: 1) thế giới mà người sáng tạo và tiếp nhận có khả năng tiếp cận được; 2) thế giới mà nhân vật có khả năng tiếp cận được. Thế giới mà nhân vật tiếp cận được là thế giới được tạo lập từ những kiến thức về thực tại có được từ môi trường sống biểu hiện qua những "phản ứng" của chính họ với ngoại giới và biểu lộ qua các sắc thái nhận thức như khẳng định, phủ định, ước vọng... Cấp độ thứ ba (3), cũng là cấp độ cuối cùng là các thế giới tình thái và sự dịch chuyển các thế giới. Các thế giới này là những không gian nhận thức vượt ra khỏi TGNT [1, tr.77]. Whiteley đã sử dụng LTTGNT để khảo sát các phản ứng liên quan đến cảm xúc của con người trong một diễn ngôn nghệ thuật. Thành công bước đầu của thử nghiệm này đã mở ra một hướng đi mới trong nghiên cứu tác phẩm văn học.

Khi tương tác với thế giới thật và diễn đạt thế giới đó bằng ngôn ngữ, con người có xu hướng "định vị" mình với những thực thể xung quanh như là một quá trình tham chiếu. Việc lấy tri thức của người tham gia giao tiếp làm mốc để định vị và thực hiện các tham chiếu vào thế giới xung quanh gọi là "trực chỉ". Trực chỉ có vai trò chỉ ra không gian, thời gian cho một hành vi phát ngôn cụ thể. Từ đây, con người sẽ đánh giá mối liên hệ giữa họ với những yếu tố khác có trong môi trường xung quanh. Thế giới "trực chỉ" có thể là hiện thực trước mắt, của kí ức, của sự tưởng tượng, cũng có thể là của mơ ước. Thế giới "trực chỉ" có thể được thể hiện bằng các yếu tố thuộc phạm trù không gian (gần, xa, bao quát, cụ thể…) hoặc thời gian (hiện tại, quá khứ, tương lai). Chúng được thể hiện bằng sự vật, hiện tượng, con người… và đi vào văn bản với tư cách là các đối tượng, bối cảnh, sự kiện… Trong đó, các thuộc tính của "trực chỉ" được gắn với từng thực thể. Quá trình tham chiếu của các "trực chỉ" đã tạo ra TGNT. Bên cạnh đó, LTTGNT xem diễn ngôn là phương thức cấu thành văn bản. Thế giới diễn ngôn là một cảnh huống xoay xung quanh một sự kiện phát ngôn. Nó bao gồm tất cả những người tham gia và những thứ mà những người này có thể nghe được, thấy được từ môi trường xung quanh cùng các nguồn tri nhận mà con người có thể có như thái độ, cảm xúc, kiến thức, kinh nghiệm, hi vọng, niềm tin, kì vọng… Các nhân tố cấu thành thế giới diễn ngôn có thể quy về bốn loại cơ bản: 1) thời gian; 2) không gian; 3) thực thể; 4) các mối quan hệ. Các nhân tố này thiết lập những "ranh giới" về không gian cho TGNT [1, tr.36].

Quá trình giao tiếp là một dòng chảy thông tin liên tục thay đổi. Những người tham gia có thể thêm vào các thông tin mới, chuyển đổi đề tài hoặc bối cảnh một cách chủ động. Từ đó, TGNT mới liên tục được sinh ra nhờ vào sự dịch chuyển các yếu tố "trực chỉ". Dưới góc nhìn của LTTGNT, các nhân tố thúc đẩy chức năng được hiểu là "những yếu tố thúc đẩy diễn ngôn tiến về phía trước" [1, tr.56]. Theo đó, sự dịch chuyển của TGNT diễn ra trên ba bình diện: 1) cấu trúc tình thái; 2) hoạt động tinh thần; 3) sự dịch chuyển của các mốc thời gian trong diễn ngôn. Ta có thể nhận ra một thế giới mới được tạo lập dựa trên các dấu hiệu sau: 1) sự dịch chuyển về thời gian nhưng vẫn giữ nguyên không gian; 2) chỉ dịch chuyển không gian nhưng mọi sự kiện vẫn diễn ra trên nền thời gian chung; 3) dịch chuyển cả không gian lẫn thời gian. Những sự dịch chuyển của các yếu tố trên làm phát sinh một thế giới mới được gọi là sự dịch chuyển TGNT. Trong truyện, mỗi sự kiện có thể tương ứng với một sự dịch chuyển lớn của TGNT. Những dịch chuyển làm cho cốt truyện phát triển được một lớp phần tử đảm nhiệm, còn gọi là nhân tố thúc đẩy chức năng. Có thể hình dung các nhân tố này trong một số kiểu diễn ngôn mà Werth đã đưa ra [5, tr.191]:

Kiểu văn bản	Kiểu vị từ	Chức năng	Hành động tạo lời
tự sự	hành động, sự kiện	thúc đẩy cốt truyện	kể, thuật
bối cảnh	trạng thái	thúc đẩy bối cảnh	miêu tả

con người	trạng thái	thúc đẩy con người	miêu tả
nhật trình	thói quen	thúc đẩy nhật trình	miêu tả
biện luận	liên hệ	thúc đẩy tranh luận	nhận định
hướng đạo	mệnh lệnh	thúc đẩy mục tiêu	yêu cầu, ra lệnh

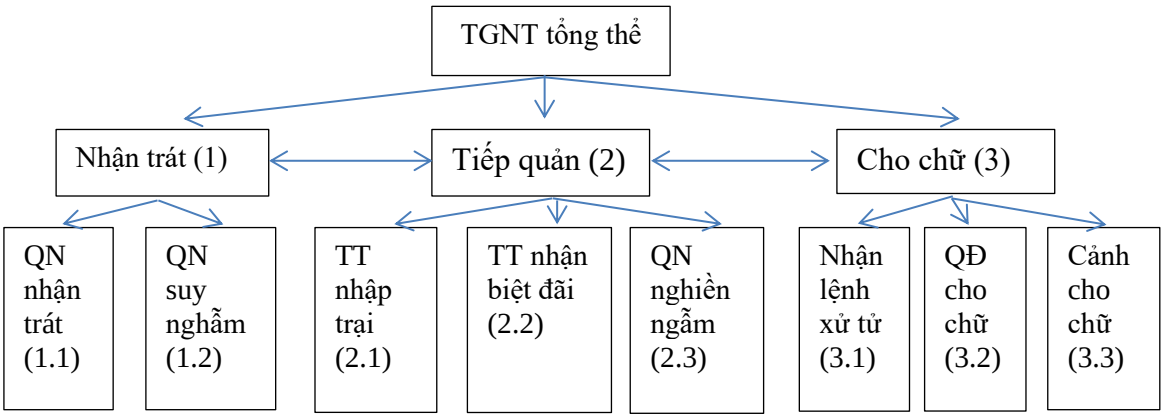
Từ bảng tổng quát trên, chúng ta thấy rằng, chức năng diễn ngôn được hiện thực hóa bằng những phương tiện ngôn từ và hành động tạo lời cụ thể. Nói cách khác, sự vận hành của TGNT được hiện thực hóa bằng các nhân tố thúc đẩy chức năng. Nhờ các phương tiện này mà TGNT vận động để phát triển và hoàn thành chức năng biểu đạt của chúng trong những cấu trúc lớn hơn.

TGNT, theo quan điểm của Werth, được chia thành 3 loại cơ bản: 1) thế giới trực chỉ (deictic world); 2) thế giới nhận thức (epistemic world); 3) thế giới thái độ (attitudinal world) [5, tr.216] với sự can thiệp của các yếu tố tình thái. Theo Gavins, các thế giới mới được hình thành dưới tác động của yếu tố cảm xúc và hiện ra như những thế giới tình thái. Thế giới này được "kích hoạt" nhằm thể hiện thái độ của người nói hoặc người viết đối với một đối tượng nào đó. Dưới góc nhìn của LTTGNT, Gavins cho rằng một văn bản bất kì có thể chứa đựng bên trong nó ba kiểu tình thái: tình thái ước vọng [1, tr.94]; tình thái đạo nghĩa [1, tr.98-99]; tình thái nhận thức [1, tr.110]. Trong đó, tình thái nhận thức còn được thể hiện qua điểm nhìn (focalisation) của ngôi kể. Điểm nhìn là yếu tố chính tạo nên giọng điệu. Giọng điệu là biểu hiện rõ nhất của thế giới tình thái nhận thức. Trong truyện kể, TGNT là những không gian thẩm mĩ được tạo ra từ các phương thức phản ánh: thế giới trực chỉ (thông tin logic); thế giới nhận thức (thông tin suy luận); thế giới tình thái ước vọng (thông tin biểu cảm về mong ước); thế giới tình thái đạo nghĩa (thông tin biểu cảm về tình nhân ái); thế giới tình thái nhận thức (thông tin biểu cảm về nhận biết). Ở đây, TGNT là kết quả sáng tạo thế giới nghệ thuật của một người, đó là tác giả. Tác giả đã hóa thân vào các nhân vật và ngoại giới để "lên tiếng" cho từng đối tượng. Trong đó, mỗi một sự thể hiện đều chứa đựng một "phương thức phản ánh thế giới". Tiếp cận tác phẩm truyện kể từ góc nhìn của LTTGNT giúp người đọc trải nghiệm các thế giới ẩn đằng sau ngôn từ mà độc giả đã sử dụng. Từ những nhận thức trên, chúng tôi thử áp dụng LTTGNT vào phân tích tác phẩm văn chương. Đối tượng được dùng để khảo nghiệm là truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Đây là một sáng tác đạt đến đỉnh cao trên nhiều phương diện.

3. Kết cấu Thế giới ngôn từ của tác phẩm *Chữ người tử tù*

Từ LTTGNT và những yếu tố khác như thời điểm ra đời, tác giả, người đọc hôm nay và những giá trị phổ quát của nền văn hóa Việt vẫn được lưu giữ trên dòng chảy chung cho phép

chúng ta tri nhận và lí giải TGNT của truyện *Chữ người tử tù* với độ tin cậy cao. Có thể hình dung TGNT cốt lõi trong tác phẩm *Chữ người tử tù* qua sơ đồ sau (QN: ngục quan; TT: tử tù; QĐ: quyết định):



Cấu trúc TGNT của tác phẩm khá đơn giản. Văn bản truyện xoay quanh 3 TGNT chính: TGNT (1) của sự kiện nhận thông báo tiếp nhận tù nhân; TGNT (2) của sự kiện tiếp nhận tù nhân; TTNT (3) của sự kiện tù nhân cho chữ. Trong TGNT (1) chứa đựng 2 TGNT bộ phận: TGNT (1.1) của sự kiện ngục quan nhận trát và căn dặn thuộc hạ; TGNT (1.2) của sự kiện ngục quan suy ngẫm về tử tù Huấn Cao. Trong TGNT (2) chứa đựng 3 TGNT bộ phận: TGNT (2.1) của sự kiện tử tù Huấn Cao nhập trại; TGNT (2.2) của sự kiện tử tù nhận sự biệt đãi; TGNT (2.3) của sự kiện ngục quan nghiền ngẫm cuộc đời. Trong TGNT (3) chứa đựng 3 bộ phận: TGNT (3.1) của sự kiện ngục quan nhận lệnh xử tử; TGNT (3.2) của sự kiện tử tù quyết định cho chữ; TGNT (3.3) của sự kiện miêu tả cảnh tượng cho chữ. TGNT (1) → TGNT (2) TGNT (3) là sự dịch chuyển và tăng tiến không ngừng của 2 quá trình diễn ra song song: tiếp quản tù nhân → đối đãi với tù nhân → chuẩn bị đưa tù nhân ra hành hình; quá trình thay đổi thái độ của cả hai phía: tử tù từ thái độ bất cần → chấp nhận; ngục quan từ đề phòng → tiếc → kính nể → phục tùng.

3.1. Thế giới ngôn từ của sự kiện ngục quan nhận phiến trát

Trong TGNT (1), Nguyễn Tuân thiết kế 2 TGNT bộ phận: TGNT (1.1), thế giới miêu tả sự kiện ngục quan nhận trát và căn dặn thuộc hạ; TGNT (1.2), thế giới miêu tả sự kiện ngục quan suy ngẫm về tử tù Huấn Cao. Hai TGNT bộ phận liên kết với nhau theo phương thức tương ứng, một người tử tù đặc biệt và một sự tiếp quản đặc biệt. TGNT (1.1) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: thời điểm lúc nhận phiến trát; diễn tiến của quá trình trao đổi công việc chuẩn bị của ngục quan với thuộc cấp; 2) tham tố không gian: khu vực trại giam; 3) tham tố nhân vật: ngục quan; thầy thơ lại; ngục tốt; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba hóa thân vào ngôi thứ nhất; lời thoại nhân vật chính; giọng điệu tâm tình chủ đạo; 5) tham tố

vật thể và các đặc tính được gán: phiến trát; buồng giam; trại giam → tối om; chòi canh; hèo, giá gươm; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: ngục quan → nhận phiến trát → quay lại hỏi thầy thơ lại → bày tỏ lí do thắc mắc → sai ngục tốt quét dọn buồng giam → căn dặn và sai bảo thầy thơ lại. TGNT (1.1) mở ra bằng một *thế giới trực chỉ* với các tham tố về việc quan coi ngục *nhận được phiến trát;* quay lại hỏi thầy thơ lại để xác nhận số tù và loại tù nhân là *sáu tên tù án chém.* Tiếp sau những thông tin trực chỉ là một thế giới tình thái nhận thức được mở ra với các tham tố về nhận diện và phân loại đối tượng: bắt đầu *bằng trực chỉ* giới hạn đối tượng nhận thức với ngữ đại từ chỉ định *trong đó* → thông tin chi tiết thứ nhất: *tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao* → thông tin chi tiết thứ hai chuyển dần tính chất trực chỉ sang tính chất tình thái: *Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?.* Sự nhận thức đối tượng lúc này mới chỉ là *"ngờ ngợ".* Vì vậy, thái độ của người nói đối với Huấn Cao vẫn đang bị che phủ bởi một màn sương nghi hoặc: cảnh giác, ghê sợ hay thán phục? Cũng từ đây, một thế giới tình thái hồ nghi cũng được "gieo" vào lòng độc giả. Để chuyển sang một trạng thái mới, yếu tố thúc đẩy chức năng xuất hiện qua hành động *đọc công văn* của thầy thơ lại. Hành động này tạo nên một thế giới của sự chờ đợi được giải đáp bằng hành động xác nhận, *Dạ, bẩm chính y đó* và tiếp tục mở ra thế giới tình thái nhận thức mới bằng một hành động phán đoán - suy luận dưới hình thức nghi vấn: *Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?*. Ở đây, tác giả đã lồng TGNT của nhân vật vào TGNT của độc giả, hình thức nghi vấn là cách gợi mở một thế giới sâu kín từ bên trong hiệu quả nhất đối với người tiếp nhận. Từ đây một không gian quá khứ hiện ra với những con người, sự kiện, truyền thống, giá trị… xưa cũ. Tiếp sau nó là một thế giới tình thái nhận thức mới được mở ra thông qua một loạt tham tố đa hướng. Đầu tiên là sự xác nhận được lồng vào một hình thức *suy luận* qua bộc bạch của ngục quan: *tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhỏm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi.* Bằng cách này, người nói muốn tránh sự phiền toái và giấu kín ý nghĩ, ý định của mình đối với tử tù Huấn Cao → đặt niềm tin vào thầy thơ lại bằng hành động sai bảo: *Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng* → lo lắng trước trách nhiệm và bổn phận của mình: *Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không?* → suy tưởng về sự phi thường của tử tù dưới dạng một nghi vấn: *Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?* → xác nhận bằng một hình thức cảm thán của người đối thoại: *Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!.* Cái chặc lưỡi là yếu tố thúc đẩy chức năng mở ra một thế giới tình thái ước vọng được thể hiện qua tham tố nhận thức của thầy thơ lại: *giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiếng tiếc.* Đến đây, ngục quan thấy cần phải chấm dứt nguy cơ họa miệng nên đã lên tiếng kết thúc cuộc thoại bằng một tình thái nhận thức: *Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn.* Kết thúc

TGNT (1.1) bằng thế giới trực chỉ thấp thoáng chất tình thái qua sự lo lắng không thể che đậy của những hành động căn dặn, sắp đặt của ngục quan với thuộc hạ của mình: *Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiểng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng…*

TGNT (1.2) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: diễn tiến ngắn và chậm của quá trình ngục quan ngồi ngẫm nghĩ một mình; 2) tham tố không gian: khu vực trại giam; khu vực ngục quan làm việc; 3) tham tố nhân vật: *ngục quan; thầy thơ lại; ngục tốt*; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba được nhập vào ngôi thứ nhất; giọng điệu tâm tình đậm đặc; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *án thư → cũ; màu vàng son (án thư) → nhạt; sao Hôm → nhấp nháy, muốn tụt xuống phía chân trời; ngôi sao chính vị → muốn từ biệt vũ trụ; tiếng trống → thu không; cây đèn → leo lét; ngọn bấc → lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết; tim bấc → chụm lại, cháy bùng to soi rõ mặt người; giấy bản; đĩa dầu → vơi dần; que hương; tiếng chó sủa, tiếng kẻng, tiếng mõ → thưa thớt; nền trời → lốm đốm tinh tú*; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: *ngục quan → băn khoăn → bóp thái dương → khuôn mặt tư lự biến mất → nghĩ ngợi → muốn biệt đãi Huấn Cao*. TGNT (1.2) mở ra với thế giới trực chỉ với tham tố thuộc ngôi kể thứ ba miêu tả không gian hẹp nơi *góc chiếc án thư cũ đã nhạt màu vàng son* với *một cây đèn đế leo lét.* Những thông tin làm nền cho sự xuất hiện của con người. Hai tham tố miêu tả là *khuôn mặt nghĩ ngợi* và *băn khoăn ngồi bóp thái dương* cho phép hình dung một sự việc nghiêm trọng nhưng bế tắc đang dần dần hiện ra. Tiếp đến, trực chỉ về con người đã dịch chuyển qua *trực chỉ* về vũ trụ: *nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định…;* tất cả *bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ* báo hiệu một vĩ nhân sắp sửa ra đi trong sự nuối tiếc. Tham tố miêu tả không gian vũ trụ đến lúc này đã nhuốm màu sắc của tình thái nhận thức. Từ trực chỉ vũ trụ quay trở lại trực chỉ con người với các tham tố về màu tóc, màu râu: *đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu;* về sự chuyển hóa kì diệu trên khuôn mặt già nua: *những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn* thành *mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ.* Trực chỉ miêu tả vẻ ngoài TGNT chuyển sang tình thái nhận thức với quan hệ của hai tham tố đối lập nhau, một bên là chốn lao tù *người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc*, một bên là *tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay.* Từ đó đi đến một nhận định khái quát hiện thực bằng điểm nhìn khách thể hóa nhân vật ngục quan: *một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ;* luận giải nghịch lí phổ biến và sự "trêu ngươi quá đà" của tạo hóa: *ông trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã.* Sau những nhận thức, TGNT (1.2) kết thúc bằng tham tố tình thái đạo nghĩa về tình cảm của ngục quan đối với kẻ tử tù: *Ta muốn biệt đãi ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại…* Như

vậy, tất cả các bộ phận cấu thành của TGNT (1) đều hướng về một chức năng chính: những suy tư của ngục quan về con người và cuộc đời là vấn đề nóng bỏng đang hiển hiện trong cuộc sống thực tại. Diễn tiến của TGNT (1) là dòng sự kiện của việc nhận trát đến suy ngẫm và chua chát nhận ra những nghịch lí về cuộc đời, về con người. Trong đó, mỗi giai đoạn cấu thành TGNT đều tiềm ẩn các sắc màu tình thái trong ngôi kể chủ yếu là của người dẫn chuyện. TGNT (1) kết thúc khá độc đáo, là đỉnh cao đầu tiên về nỗi đau nhân thế khi ngục quan nhận ra những giá trị tinh hoa, những điều cao cả thiêng liêng đang có nguy cơ bị hủy diệt.

3.2. Thế giới ngôn từ của sự kiện ngục quan tiếp nhận tử tù Huấn Cao

TGNT (2) chứa đựng 3 TGNT bộ phận: TGNT (2.1) của sự kiện tử tù vừa nhập trại; TGNT (2.2) của sự kiện ngục quan biệt đãi và cách tử tù nhận biệt đãi; TGNT (2.3) của sự kiện ngục quan suy ngẫm về chính bản thân mình. TGNT (2.1) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: thời điểm sáng sớm; 2) tham tố không gian: khu vực cửa ngục; 3) tham tố nhân vật: *tử tù, ngục quan; lính tỉnh; lính ngục; thầy thơ lại*; *4*) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu có tính chất đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *công văn; gông → dài 8 thước, nặng 7-8 tạ, bóng loáng, sỉn, đen sánh; rệp → cắn; cánh cửa đề lao → mở rộng*; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: *lính tỉnh → dẫn tử tù → đùa phạm nhân; phạm nhân → mang gông*; *Huấn Cao → quay cổ lại bảo bạn tù dỗ gông → quỳ xuống đất dỗ gông*. TGNT (2.1) mở ra với thế giới trực chỉ mô tả *chiếc gông dài tám thước, nặng đến bảy tám tạ* mà *sáu bộ vai gầy* mang chung và thái độ hiên ngang của người cầm đầu *lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống thềm đá tảng đánh thuỳnh một cái.* Hành động này này có thể tiếp nối với một hành động trả thù. Tuy nhiên một thế giới tình thái đạo nghĩa mở ra lại phá vỡ chuỗi logic của *trực chỉ.* Thái độ của ngục quan *nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành* khiến người đọc cảm nhận về một ẩm khuất rất lớn lao và hệ trọng. Từ những trực chỉ mô tả sự việc mở đầu sự kiện chuyển dần sang thế giới tình thái nhận thức với thái độ của những tên lính đang chờ dấu hiệu ra lệnh của chủ ngục để *giở những mánh khóe hành hạ thường lệ ra* nhưng vấp phải thái độ ngược lại qua lời tuyên bố của ngục quan, *việc quan ta đã có phép nước* làm cho đám lính bất ngờ *nhìn nhau mà không hiểu.* TGNT (2.1) khép lại ở thái độ và ứng xử bất thường của quan coi ngục để chuẩn bị cho một thế giới tình thái mới được đẩy lên ở mức độ cao hơn.

TGNT (2.2) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: diễn tiến kéo dài nửa tháng, Huấn Cao cùng các bạn tù nhận biệt đãi; 2) tham tố không gian: nơi ngục quan làm việc; 3) tham tố nhân vật: tử tù, ngục quan; thầy thơ lại; 4) tham tố tình thái được thể hiện qua ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình bao trùm toàn bộ TGNT; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *buồng → tối; rượu, thịt*; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: *thầy thơ lại → mang rượu thịt đến; Huấn Cao → thản nhiên nhận rượu thịt → từ chối sự*

biệt đãi → đợi sự báo thù → bận tâm suy nghĩ → nghi hoặc; ngục quan → nhìn tù nhân với cặp mắt hiền lành → mở cửa buồng giam → khép nép hỏi Huấn Cao → mong Huấn Cao giữ kín việc biệt đãi → lễ phép lui ra → nói lời chấp nhận yêu cầu. TGNT (2.2) mở ra với thế giới trực chỉ giới thiệu bối cảnh chung gồm tham số về nhà tù: *Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù* và tham số về người tù: *Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm.* Đây là những hiện thực bất thường được phơi bày ra khiến cho người đọc chờ đón một nguyên cớ ẩn dấu sâu xa. Điều này đã mở ra một thế giới mới, thế giới tình thái đạo nghĩa với nhận thức hiện thực của nhân vật qua lớp ngôn từ trực tiếp: *Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều.* Tiếp nối thế giới tình thái đạo nghĩa là thế giới tình thái nhận thức với thái độ của người tử tù trái ngược sự tưởng tượng và mong đợi của ngục quan: *Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây*. Đến lượt thái độ chấp nhận hiện thực có phần phũ phàng của ngục quan được biểu thị bằng tham tố của một hành động ngôn trung cũng hết sức bất ngờ: *Xin lĩnh ý*. Tính tình thái tiếp tục được duy trì trong dòng chảy sự kiện về cách cư xử lạ thường của ngục quan: *cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; không đặt chân vào buồng giam; năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi*. Tính chất tình thái này làm xuất hiện một thế giới tình thái mới. Đó là sự *bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của ngục quan* và nỗi băn khoăn chưa có câu trả lời trong tâm trí người tử tù: *Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật của ta?*. TGNT (2.2) khép lại bằng những ý nghĩ nghi ngại của tử tù Huấn Cao.

TGNT (2.3) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: diễn tiến qua những suy ngẫm, mong ước, khát khao ngày đêm của ngục quan; 2) tham tố không gian: nơi ngục quan làm việc; 3) tham tố nhân vật: tử tù, ngục quan; thầy thơ lại; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: không có; 6) tham tố thúc đẩy chức năng*: ngục quan → mong xin được chữ → khổ tâm vì không nghĩ ra cách để xin được chữ → không đủ can đảm giáp mặt lần nữa → lo lắng hết cơ hội xin chữ*. TGNT (2.3) mở ra thế giới tình thái nhận thức với những cảm nhận của quan coi ngục về tình thế tuyệt vọng và căng thẳng của kẻ tử tù: *ngày đêm… đợi phút cuối cùng… đằng đẵng như nghìn năm ở ngoài* rồi quay về tự vấn một cách sâu sắc cái "nhỏ bé" của chính mình khi đặt trong tương quan với những điều cao cả, thiêng liêng: *những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù.* Từ tình thái nhận thức chuyển qua tình thái ước vọng với *sở nguyện* lớn nhất cuộc đời của ngục quan là sự hướng đến giá trị của những con chữ *đẹp lắm, vuông lắm*, thứ vốn chỉ dành cho kẻ *tri kỉ,* viết trên *vuông lụa trắng đã mua sẵn* làm

câu đối treo trong nhà như một *vật báu trên đời*. Trực chỉ về thuở đèn sách của ngục quan *biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền* hồi cố một thế giới tình thái nhận thức qua thái độ tiếc nuối cho một kẻ anh tài gặp nạn; nể trọng người có khí phách, có hoài bão lớn… Tất cả các bộ phận cấu thành của TGNT (2) đều hướng về một chức năng chính: sự gặp gỡ giữa con người tài hoa và phí phách với con người sẵn có thiên lương nhưng bị cuộc sống hiện tại che lấp là một cơ duyên lớn. Diễn tiến của TGNT (2) là dòng sự kiện: tạo ấn tượng mạnh ban đầu về người tử tù → thái độ kì lạ của người tử tù khi nhận sự biệt đãi → khát khao thầm lặng. Trong đó, mỗi giai đoạn cấu thành TGNT (2) là một thế giới tình thái đậm đặc hiện ra qua ngôi kể là lớp ngôn từ đối thoại và độc thoại của nhân vật. TGNT (2.3) là sự kết thúc độc đáo của TGNT (2), khí phách và tài hoa làm thức tỉnh những khao khát cao đẹp trong con người ngục quan.

3.3. Thế giới ngôn từ của sự kiện Huấn Cao cho chữ

TGNT (3) chứa đựng 3 TGNT bộ phận: TGNT (3.1), sự kiện ngục quan nhận lệnh chuẩn bị đưa tử tù đi xử tử; TGNT (3.2), sự kiện người tử tù quyết định cho chữ; TGNT (3.3) miêu tả cảnh cho chữ. TGNT (3.1) gồm các tham tố chính: *1*) tham tố thời gian: buổi chiều trời lạnh; 2) tham tố không gian: khu vực trại giam; phòng giam; 3) tham tố nhân vật: ngục quan; thầy thơ lại; tử tù; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại nhân vật; giọng điệu tâm tình pha lẫn sự hốt hoảng, kinh sợ; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: công văn; pháp trường; trại giam; cửa buồng giam; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: *ngục quan → đọc công văn → tái nhợt → gọi thầy thơ lại → kể sự tình; thầy thơ lại → cảm động → chạy xuống phòng giam → đấm cửa buồng giam → kể nỗi lòng của ngục quan → báo tin cho tử tù về Kinh chịu án*. TGNT (3.1) mở ra với thế giới trực chỉ gồm tham tố thời gian, con người và hoạt động: *buổi chiều lạnh - ngục quan tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn; Ngày mai, tinh mơ sẽ có người đến giải tù đi - Huấn Cao và các bạn đồng chí ông.* Các tham tố của trực chỉ dù rất ngắn gọn nhưng có điểm nhấn, đó là sự bất ngờ và tính gấp rút của thời gian. Từ đây, mở ra một thế giới tình thái đạo nghĩa thể hiện qua hành động và thái độ của thầy thơ lại: *hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng ngục quan, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.* Tất cả hành động của thầy thơ lại đều diễn ra trong sự hốt hoảng, kinh động, nuối tiếc. Trực chỉ này mở ra sự chờ đợi sự phản ứng của người tù trong TGNT tiếp theo.

TGNT (3.2) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: lúc nhận tin báo chuẩn bị ra pháp trường; 2) tham tố không gian: phòng giam; 3) tham tố nhân vật: ngục quan; thầy thơ lại; tử tù; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại nhân vật; giọng điệu tâm tình bao trùm; 5) các tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *vàng ngọc; quyền thế; câu đối; bộ tứ bình; bức trung đường*; 6) các tham tố thúc đẩy chức năng: *Huấn Cao → lặng nghĩ → mỉm cười → đồng ý cho chữ → thổ lộ*. TGNT (3.2) mở ra với thế giới trực chỉ về việc người tử tù

nhận tin dữ nhưng lại phản ứng rất lạ và bất ngờ. Đầu tiên là *lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười,* điềm nhiên như không và tiến đến là nói lời đồng ý cho chữ. Từ trực chỉ này đã mở ra một thế giới tình thái đạo nghĩa trong cách nghĩ của kẻ tử tù *nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ;* cho chữ chỉ vì *cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài* và *sở thích cao quý* của con người sống trong chốn lọc lừa, hiểm ác. Câu nói: *Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ* là đỉnh cao *đạo lí* mà kẻ tử tù dành cho ngục quan...

TGNT (3.3) gồm các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: đêm tối; 2) tham tố không gian: phòng giam; 3) tham tố nhân vật: ngục quan; thầy thơ lại; tử tù; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại nhân vật; giọng điệu tâm tình bao trùm; *5)* tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *trại giam tỉnh Sơn → vẳng có tiếng mõ; vọng canh; buồng tối → chật hẹp, ẩm ướt; tường → đầy mạng nhện tổ rệp; đất → bừa bãi phân chuột phân gián; khói → tỏa như đám cháy nhà; ánh sáng → đỏ rực; bó đuốc → tẩm dầu, rọi lên ba cái đầu người; tấm lụa bạch → nguyên vẹn lần hồ; khói → bốc tỏa cay mắt; xiềng; đồng tiền kẽm → đánh dấu ô chữ; phiến lụa → óng; chậu mực; bút con; lạc khoản; bức lụa → trắng trẻo; nét chữ → vuông vắn tươi tắn; thoi mực → tốt, thơm; chậu mực → bốc mùi thơm; lửa đóm → cháy rừng rực, rụng xuống nền đất ẩm; tàn lửa → tắt nghe xèo xèo; bức châm*; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: *ngục quan → chăm chú trên tấm lụa bạch → khúm núm cất những đồng tiền kẽm → nhìn bức chân dung → nhìn lẫn nhau → cảm động → vái một vái → chắp tay nói một câu → nước mắt chảy vào kẽ miệng → nghẹn ngào; thầy thơ lại → chăm chú nhìn vào tấm lụa bạch → run run bưng chậu mực; Huấn Cao → mỉm cười → bày tỏ lí do việc đồng ý cho chữ → dậm tô nét chữ → thay bút → đề lạc khoản → thở dài → đỡ ngục quan dậy → khuyên (thay chốn ở) → bày tỏ nhận xét (về mực viết) → giải thích (lí do cần thay chỗ ở)*. TGNT (3.3) mở ra với thế giới trực chỉ về không gian hết sức đặc biệt chốn lao tù. Đó là *lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh,* tất cả màn đêm đều chìm vào sự im lặng ngoại trừ tiếng mõ cầm canh. Không gian này gợi ra một số xu *hướng tình thái nhận thức* khác nhau: hiện thực đen tối hay vũ trụ về đêm đi vào trạng thái tĩnh lặng để chờ đón một cái "động" kì diệu, thiêng liêng. Suy đoán này nảy sinh trong lòng người là hợp logic khi *trực chỉ* ngay sau đó được "bồi" thêm bởi tham tố miêu tả một cảnh tượng đối lập: một bên là *buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián,* nơi bẩn thỉu, tối tăm nhất trần gian với bên kia là *khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ,* sự áp đảo gần như tuyệt đối của ánh sáng, của sức nóng, sự tinh khiết đang soi sáng, cố kết những con người khác lạ lại với nhau; không gian cổ kính hiện ra, lịch sử được kéo lùi lại trong tâm trí người đọc với sự đối lập hai mảng sáng - tối. Tham tố tiếp theo là trực chỉ của một cảnh tượng *xưa nay chưa từng có,* tính chất đối lập

chuyển từ bối cảnh sang nhân vật: *người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván.* Trên cái nền sự kiện của thế giới trực chỉ về cảnh cho chữ mở ra một thế giới tình thái nhận thức với lời tâm huyết: *Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng trẻo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người* và lời khuyên: *thầy Quản nên tìm về nhà quê ... thoát khỏi cái nghề này ... rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ* vì chốn lọc lừa gian ác này *khó giữ thiên lương cho lành vững*. Thế giới tình thái nhận thức kết thúc với hành động bất thường của ngục quan: *vái người tù một vái* và *nghẹn ngào* trong *dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng: Kẻ mê muội này xin bái lĩnh.* Chuỗi hành vi của ngục quan trước từng con chữ do tay một người tử tù tài hoa và khí phách viết ra là biểu hiện rõ nét nhất của tỉnh thức. Người coi ngục vái tù nhân vì điều gì cũng là một "gợi ý" lớn của ngôn từ. Là cái cúi đầu trước một người thầy hay một thánh nhân? Giàn giụa nước mắt *rỉ vào kẽ miệng* là khóc vì điều gì, tủi hổ vì thấp kém, vì cảm động hay vì tiếc thương? Tất cả đều bàng bạc dưới những con chữ tối thiểu. Nhưng chừng đó thôi cũng đủ cho người tiếp nhận hình dung ra một thế giới vô cùng của một cuộc "tranh chấp" quyết liệt, dai dẳng giữa hai hệ giá trị đối nghịch không thể dung hòa: cao cả và thấp hèn; hiên ngang và nhu nhược; tàn nhẫn và thiện lương; tài hoa và u tối… TGNT (3.3) kết thúc với sự chiếm lĩnh hoàn toàn của "phe ánh sáng" dù chỉ khởi nguồn từ một đốm lửa nhỏ bé lọt thỏm giữa tứ bề của "phe bóng tối" bao trùm vũ trụ… Ánh sáng đã cứu rỗi lòng người giữa đêm tối mênh mông… Như vậy, tất cả các bộ phận cấu thành của TGNT (3) đều hướng về một chức năng chính: không gì che lấp nổi những điều cao cả thiêng liêng. Diễn tiến của TGNT (3) là dòng sự kiện: nhận trát → chấp nhận kẻ đối địch → cho chữ. Trong đó, mỗi giai đoạn cấu thành TGNT (3) là một thế giới tình thái hiện ra trong ngôi kể là người dẫn chuyện và các nhân vật qua lớp ngôn từ hội thoại và độc thoại. TGNT (3.3) là sự kết thúc độc đáo của TGNT (3), cái đẹp của tài hoa, khí phách và thiên lương luôn tỏa sáng, có sức cảm hóa lòng người một cách ghê gớm và bất tử với thời gian.

4. Kết luận

Tiếp cận truyện ngắn *Chữ người tử tù* từ LTTGNT giúp cho người nghiên cứu và thưởng thức tác phẩm văn chương thấy được cách thức mà nhà văn Nguyễn Tuân sáng tạo nên tác phẩm. Bên cạnh đó việc miêu tả và phân tích các yếu tố tạo nên từng TGNT bộ phận cũng cho ta cái nhìn đa chiều và tính hiệu quả của LTTGNT mà Werth và Gavins dày công tìm tòi xây dựng. Quá trình này cũng cho phép ta lượng giá được mức độ thành công của tác phẩm. Nguyễn Tuân đã lấy hoàng kim của nghệ thuật thư pháp trong văn hóa truyền thống xưa cũ như một trực chỉ trung tâm để gửi vào đó một TGNT đa sắc thái. Đó là TGNT của *nhận thức, xúc cảm, đạo lí…* về những giá trị thanh cao khi chúng bị đặt trong một bối cảnh chung, nơi mà sự tối tăm, bẩn thỉu, tham lam và độc ác đang ngự trị. Nhà văn cũng gửi vào

tác phẩm những *ước vọng* lớn lao của mình về sự chiến thắng và bất tử của cái đẹp kết tinh từ khí phách, tài hoa và thiên lương qua TGNT xây dựng hình tượng một Huấn Cao lẫm liệt, hiên ngang, chói sáng khiến người thường phải run sợ, cúi đầu…

Việc phân tích tác phẩm cũng cho thấy, LTTGNT được xem là một hướng đi triển vọng bởi tính thực dụng của nó trong nghiên cứu và giảng dạy văn học. Hiện nay, LTTGNT được áp dụng vào việc nghiên cứu tác phẩm văn chương còn hạn chế và còn cần phải tiếp tục bổ cứu để hoàn thiện thêm. Trên tiến trình ấy, việc sử dụng bộ công cụ này vào mổ xẻ những phương diện cơ bản của một truyện ngắn mới chỉ dừng lại ở mức khảo cứu. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, đây là một hướng đi rất có triển vọng, nó góp phần nâng cao chất lượng của các nghiên cứu lẫn sáng tác tác phẩm văn chương nói chung, truyện kể nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gavins J., *Text world theory: An introduction*, Edinburgh University Press, Edinburgh, 2007.

2. Gavins J. và Lahey E. (eds), *World building: discourse in mind*, Bloomsbury, Croydon, 2016.

3. Werth P., *How to build a world* (*in a lot less than six days and using only what's in your head)*, In K. Green (ed.), *New essays on deixis: discourse, narrative, literature*, Rodopi, 49-80, Amsterdam, 1995.

4. Werth P., *World enough and time: Deictic space and the interpretation of prose*, In P.Verdonk and J.J. Weber (eds), *Twentieth Century Fiction: From Text to Context*, Routledge, London, 181-205, 1995.

5. Werth P., *Text worlds: Representing conceptual space in discourse*, Longman, London, 1999.

6. Whiteley S., *Text world theory and the emotional experience of literary disccourse* (unpublished PhD thesis), School of English Literature, Language and Linguistics, Sheffield, The University of Sheffield, 2010.

7. Whiteley S., *Text world theory, real reader and emotional responses to the remains of the day*, Language and Literature, 20 (1), 23-42, 2011.